TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 6 năm 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Thiều Hoàng Mới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Ông Lâm Thanh Dũng, Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung" thụ lý số 131/2019/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Diệp Cu T, địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Lê Thanh T1, địa chỉ: ấp S, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Diệp Cu T trình bày:

Giữa nguyên đơn với bị đơn là bà Lê Thanh T1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 22 tháng 01 năm 2018. Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Diệp Phúc H sinh ngày 23/11/2017, hiện nay cháu H đang ở với bà T1. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, gây mất hạnh phúc gia đình; vợ chồng đang sống ly thân. Nay ông T xin ly hôn bà T1; về con chung, ông T đồng ý giao cháu H cho bà T1 nuôi và tự nguyện sẽ cấp dưỡng với mức 1.000.000

đồng/tháng từ nay cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Thanh T1 trình bày:

Bà T1 thừa nhận phần trình bày của ông T về thời điểm cưới nhau, đăng ký kết hôn, con chung của hai người là đúng; bà T1 cho biết từ khi vợ chồng cưới nhau năm 2017 sống hạnh phúc chưa được bao lâu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên đã chia tay nhau và đang sống ly thân. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà T1 cho biết: Về hôn nhân, bà đồng ý ly hôn ông T; về con chung, bà T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung chưa thành niên cho bà T1 trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Bà Lê Thanh T1 là bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông T nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, tính tình không hợp nhau nên luôn xảy ra mâu thuẫn dẫn đến phải sống ly thân, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên ông T yêu cầu ly hôn bà T1. Đối với bà T1 thì cho rằng do ông T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con và cho biết không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng; bà chấp nhận ly hôn ông T; từ đó, khi Tòa án triệu tập tham dự các phiên hòa giải bà đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng bà T1 tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Mặt khác, Tòa án đã xác minh trực tiếp gặp người thân là anh ruột của bà T1 thì được biết giữa bà T1 và ông T khó có thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay ông T khởi kiện xin ly hôn, bà T1 cũng không muốn hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[3] Về con chung: Ông T và bà T1 có 01 con chung chưa thành niên là cháu Diệp Phúc H sinh ngày 23/11/2017 hiện đang ở với bà T1 và bà T1 có yêu

cầu giành quyền trực tiếp nuôi, không yêu cầu ông T dưỡng; ông T cũng đồng ý giao cháu H cho bà T1 nuôi và tự nguyện sẽ cấp dưỡng với mức 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy tính đến thời điểm hiện tại thì cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật thì con dưới 36 tháng tuổi giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Như vậy, yêu cầu của bà T1 và ý kiến của ông T trong việc giao con cho một bên nuôi khi ly hôn, là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để giao cháu Diệp Phúc H cho bà T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông T không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về vấn đề cấp dưỡng, tuy bà T1 không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu H, nhưng để đảm bảo quyền lợi cho cháu H và trên cơ sở tự nguyện của ông T, Hội đồng xét xử ghi nhận để buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu H từ nay đến tuổi thành niên với mức 1.000.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 147; 228; 271; 273 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Diệp Cu T được ly hôn bà Lê Thanh T1.

- *Về con chung:* Giao cháu Diệp Phúc H sinh ngày 23/11/2017 cho bà Lê Thanh T1 để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng

thành; buộc ông Diệp Cu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H với mức 1.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Ông Diệp Cu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006582, ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng; ông Diệp Cu T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu